

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:141/2018/DS-PT

Ngày 20-8-2018

V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế thi hành án theo quy
định của pháp luật về thi hành án dân
sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân Thư ký là Tòa án nhân dân tỉnh
Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà
Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018
về tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của
pháp luật về thi hành án dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của
Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2018/QĐ-PT ngày
23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Duy B, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 11, ấp 2, xã
S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm
1969; cư trú tại: Số 10/15B, hẻm 81, đường C, khu phố H, phường H, thành phố T,

tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 01 năm 2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Thân Thị Diệu H, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 11, ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Huỳnh Văn A trình bày:

Năm 1993, ông Trịnh Duy B có nhận chuyển nhượng của ông Hồ Minh P một phần đất chiều ngang 6 m, chiều dài 25 m, diện tích 150 m², diện tích thực tế hiện nay do mở rộng đường nên còn lại chiều ngang 5,7 m, chiều dài 15 m đất tọa lạc tại ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Từ khi nhận chuyển nhượng và cho đến nay đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong quá trình sử dụng đất ông B đã đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh để đăng ký, kê khai nhưng không được, vì Ủy ban nhân dân xã S trả lời đất của ông B nằm trong quy hoạch.

Năm 2009, ông B đăng ký kết hôn với bà Thân Thị Diệu H; trong thời gian chung sống vợ, chồng đến năm 2010, ông B tiến hành xây nhà một trệt một lầu tại phần đất trên, chi phí đầu tư xây nhà là của ông B, nhưng có phần đóng góp công sức của bà H, nên nay ông B đồng ý giao lại cho bà H số tiền 50.000.000 đồng.

Khi Chi cục Thi hành dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh kê biên số tài sản này để thi hành án số tiền bà H có nghĩa vụ trả cho các chủ nợ, do không hiểu biết pháp luật, lại muốn có chỗ ở nên ông B có thỏa thuận mua lại nhà, đất này, nhưng sau khi được Luật sư tư vấn, ông B hiểu đây là tài sản riêng của mình, nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh xác định phần đất trên là tài sản riêng của ông B.

Bị đơn - Bà Thân Thị Diệu H trình bày: Bà và ông B chung sống với nhau từ năm 1987, nhưng do gia đình không đồng ý, nên không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Ông B bỏ đi lên xã S, huyện T lập nghiệp, thời gian sống tại đây ông B mua được phần đất chiều rộng 06 m chiều dài 25 m, trên đất có một nhà gỗ. Sau đó, bà và ông B chung sống vợ chồng chính thức khoảng năm 2007 tại nhà, đất này, đến ngày 21-9-2009 mới đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đăng ký kết hôn.

Sau khi đăng ký kết hôn, thì xây mới lại ngôi nhà hiện vợ, chồng đang sinh sống, nguồn tiền xây nhà do bà và ông B lao động tích lũy mà có, nhưng phần lớn

là của anh B có trước đó, nên toàn bộ tài sản nhà, đất trên là của anh B và cho đến nay diện tích này ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài số tài sản đã trình bày, thì bà không có tài sản riêng nào khác và cũng không có tài sản chung nào với ông B.

Số tiền bà phải thi hành án tại Chi cục Thi hành án cho các chủ nợ hơn 1.000.000.000 đồng, đây là nợ riêng không phải nợ chung của vợ, chồng. Bà đồng ý nhận 50.000.000 đồng của ông B giao lại là tiền công sức đóng góp xây nhà.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Áp dụng Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Duy B về việc tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự đối với bà Thân Thị Diệu H.

Phần đất tranh chấp có tứ cận: Đông giáp đường 795.2, dài 5,43 m; Tây giáp đất cửa hàng xăng dầu số 73, dài 4,22 m; Nam giáp đất ông Phạm Ngọc P, dài 07 m + 02 m + 9,1 m; Bắc giáp đất ông Vũ Văn Q, dài 16,18 m, tổng diện tích 73,8 m² (trong đó diện tích quy hoạch giao thông đường 795.2 là 51,3 m²). Đất thuộc thửa số 290, tờ bản đồ số 127, tọa lạc tại ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh chưa đăng ký, kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông Trịnh Duy B và bà Thân Thị Diệu H.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31-5-2018 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn A kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Duy B vì diện tích đất 150 m² là tài sản riêng của ông B được tạo lập trước khi kết hôn với bà Thân Thị Diệu H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tranh chấp giữa các bên phát sinh liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 12 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn A người được ủy quyền thì thấy rằng:

Ông B, bà H chung sống vợ chồng từ khoảng năm 1987, có 02 người con chung: một người sinh ngày 10-10-1990 và một người sinh ngày 12-02-1995 ngày 10-3-1993 ông B nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 150 m² của ông Hồ Minh P (diện tích thực tế hiện nay là 73,8 m², trong đó diện tích quy hoạch giao thông đường 795.2 là 51,3 m²) tại xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Khoảng năm 2007 bà H và các con lên xã S sinh sống cùng với ông B cho đến nay. Ngày 21-9-2009 ông B, bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Năm 2010 bà H, ông B xây dựng ngôi nhà một trệt một lầu tại phần đất đang tranh chấp.

Tại các biên bản kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông B và bà H đều thừa nhận đất và nhà xây trên đất, tọa lạc tại ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chuyển nhượng tài sản này cho người khác để có điều kiện thi hành án cho người được thi hành án đối với các khoản nợ phải thi hành của bà H theo bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (thể hiện tại các bút lục số 38, 39, 41, 44, 46).

Từ đó có căn cứ xác định phần đất tranh chấp diện tích thực tế là 73,8 m² do ông B sang nhượng của người khác trước khi đăng ký kết hôn với bà H đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông B, nhưng ông B tự nguyện nhập vào tài sản chung của vợ chồng, ông B đồng ý kê biên tài sản trên bán cho người khác để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ của bà H cho các chủ nợ.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Duy B là có căn cứ,

đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Duy B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn A; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Duy B về việc tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự đối với bà Thân Thị Diệu H.

Phần đất tranh chấp có tứ cận: Đông giáp đường 795.2, dài 5,43 m; Tây giáp đất cửa hàng xăng dầu số 73, dài 4,22 m; Nam giáp đất ông Phạm Ngọc P, dài 07 m + 02 m + 9,1 m; Bắc giáp đất ông Vũ Văn Q, dài 16,18 m, tổng diện tích 73,8 m² (trong đó diện tích quy hoạch giao thông đường 795.2 là 51,3 m²), đất thuộc thửa số 290, tờ bản đồ số 127, tọa lạc tại ấp 2, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh chưa đăng ký, kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông Trịnh Duy B và bà Thân Thị Diệu H.

2. Ông Trịnh Duy B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông B đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Duy B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0024881, ngày 16-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Duy B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0025635, ngày 20-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm (biên lai thu do ông Huỳnh Văn A nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Be